TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ T** **TỈNH L**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: **69**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 07-12-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH L

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tố Loan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hải.

2. Bà Trần Thị Chiếm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh L *tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Chăm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2021 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐXX-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà C, sinh năm 1998;

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã A, huyện T, tỉnh L.

2. Bị đơn: Ông P, sinh năm 1995;

Địa chỉ: số 90F đường S, Phường 4, thành phố T, tỉnh L.

(Nguyên đơn có đơn đề nghi xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 8 năm 2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Bà C trình bày:

Bà và ông P tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND Phường 4, thành phố T, tỉnh L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2017 ngày 21/8/2017. Từ đầu năm 2020, vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do ông P không lo làm ăn, không chăm lo cho vợ con, thường

xuyên nhậu nhẹt, gây nhiều nợ nần. Bà đã cố gắng cho ông P rất nhiều cơ hội nhưng ông P không hề sửa đổi. Bà đã đưa con về nhà cha mẹ ruột sống từ tháng 8 năm 2020, vợ chồng cũng đã ly thân từ đó đến nay. Nay bà thấy tình cảm không còn nên yêu cầu xin ly hôn với ông P.

Về con chung: bà và ông P có 01 con chung tên Nguyễn Thanh K, sinh ngày 07/7/2018, hiện đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xác định giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ly hôn với ông P, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, xác định không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Bị đơn ông P đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tống đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông P không đến tham gia các phiên họp tiếp cận chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của bà đối với yêu cầu ly hôn của bà C, không thể hiện ý kiến về nguyện vọng nuôi con chung. Phiên tòa hôm nay, ông P cũng vắng mặt dù đã được tống đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Về ý kiến của Viện kiểm sát:

Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến tham gia phiên tòa. Bà C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã xét xử vắng mặt đối với bà C và ông P là đúng quy định.

Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông P là quan hệ hôn nhân hợp pháp, do bà C và ông P có mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nhận thấy ông P đã biết được việc bà C nộp đơn xin ly hôn nhưng không có ý kiến gì thể hiện sự quan tâm hàn gắn, từ đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C. Ông P cũng không có ý kiến trình bày về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà C, giao con chung Nguyễn Thanh K, sinh ngày 07/7/2018 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, ông P không phải cấp dưỡng nuôi con do bà C không có yêu cầu. Bà C phải chịu án phí theo qui định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà C nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với ông P có địa chỉ cư trú ở thành phố T, tỉnh L nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh L.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tống đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công

khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập ông P đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông P không chấp hành. Bà C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà C và ông P tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 4, thành phố T năm 2017 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Tòa án cũng đã có xác minh về quan hệ tranh chấp dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng của Bà C và ông P tại UBND Phường 4, thành phố T, tỉnh L nơi bà C và ông P sinh sống sau khi kết hôn theo quy định tại Điều 208 BLTTDS nhưng địa phương không nắm rõ nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng giữa bà C và ông P. Theo lời trình bày của Bà C thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông P không lo làm ăn, không chăm lo cho vợ con, thường xuyên nhậu nhẹt, gây nhiều nợ nần. Hiện vợ chồng đã không còn chung sống từ tháng 8 năm 2020 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống vợ chồng giữa bà C và ông P không có tiếng nói chung, không có sự thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Ông P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, được tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho thấy ông P đã biết được việc bà C yêu cầu ly hôn với ông nhưng ông không có văn bản thể hiện ý kiến là muốn được đoàn tụ hoặc đưa ra những biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, chứng tỏ rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà C và ông P đã có những mâu thuẫn không giải quyết được. Hiện bà C xác định đã không còn tình cảm với ông P nên yêu cầu được chấm dứt hôn nhân. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu ly hôn của bà C là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Ông P và bà C có 01 con chung tên Nguyễn Thanh K, sinh ngày 07/7/2018, hiện đang sống chung với bà C. Bà C có nguyện vọng được nuôi con chung khi ly hôn, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay bà C có thu nhập ổn định đủ khả năng để nuôi con. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông P cũng không có ý kiến gì về nguyện vọng được nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà C không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con, ông P cũng không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ.

[4] Về án phí: Bà C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà C và ông P.

Về nuôi con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Thanh K, sinh ngày 07/7/2018 cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông P không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà C không có yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con được quyền yêu cầu hạn chế quyền thăm nom nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom làm ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con chung, các bên hoặc một bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí*:* Bà C phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà C đã nộp theo biên lai thu số 0001025 ngày 25/10/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh L;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THA tp. Tân An;
- UBND p7, TPTA, LA;
- Các đương sự
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tố Loan